

## Phẩm 9: PHÁP THƯỜNG

Ngoại viết: Nên có các pháp, vì pháp không nhân, pháp thường không phá. Ông tuy phá pháp có nhân, không phá pháp thường, không nhân, như hư không thời, phương vi trần, Niết-bàn, là pháp không nhân, không phá, nên phải có các pháp.

Nội viết: Nếu mạnh là vì thường, đồng với vô thường. Vì có nhân nên ông nói thường hay vì không nhân nên nói thường? Nếu pháp thường có nhân, có nhân thì không thường. Nếu không nhân nói thường thì cũng có thể nói vô thường.

Ngoại viết: Vì là liễu nhân nên không lỗi. Có hai loại nhân: một là tác nhân, hai là liễu nhân. Nếu dùng tác nhân thì đó là vô thường. Ngã, hư không... là pháp thường, vì dùng liễu nhân nên nói thường, chẳng phải vì không nhân nên nói thường, cũng chẳng phải vì có nhân nên nói vô thường, cho nên chẳng phải mạnh là thường.

Nội viết: Nhân này không đúng. Ông tuy nói pháp thường có nhân thì nhân này không đúng. Trước đã phá chấp về thân, pháp thường khác sau sẽ phá.

Ngoại viết: Phải có pháp thường vì pháp tác vô thường, nên pháp không tác là thường. Mắt thấy các vật như bình là vô thường, nếu khác thì pháp này phải là thường.

Nội viết: Không cũng cùng với có. Ông dùng pháp tác vì trái ngược nhau nên gọi là pháp không tác. Nay vì thấy trong pháp tác có tướng nên phải không có pháp không tác.

Lại nữa, ông vì pháp tác trái nhau nên cho pháp không tác là thường, nghĩa là hôm nay và pháp tác vì không trái nhau nên phải là vô thường. Vì sao? Vì pháp không tác và pháp tác đồng với vô xúc nên pháp không tác phải là vô thường. Biến thường và bất biến thường như vậy đều đã phá chung, nay sẽ phá riêng.

Ngoại viết: Nhất định có pháp hư không, thường cũng hiện bày khắp cũng không phần, vì tin có tất cả xứ, tất cả thời. Người đời tin tất cả xứ có hư không, cho nên tin khắp tất cả thời quá khứ, vị lai, hiện tại có hư không, cho nên thường.

Nội viết: Vì trong phần hợp với phần nên phần không khác. Nếu trong bình hưởng vào trong hư không, thì hư không ở trong ấy đều là có hay là phần có chăng? Nếu đều là có thì không hiện bày khắp, nếu là hiện bày khắp thì bình cũng phải hiện bày khắp. Nếu phần có thì hư không chỉ là phần không có, phần có gọi là hư không. Cho nên hư không

chẳng phải hiện bày khắp, cũng chẳng phải thường.

Ngoại viết: Nhất định có hư không. Tướng hiện bày khắp cũng là thường, vì có tạo tác. Nếu không có hư không thì không cất lên, không hạ xuống, không khứ, lai. Vì sao? Vì không chỗ dung chứa. Nay thật có chỗ tạo tác, do đó có hư không, cũng hiện bày khắp, cũng là thường.

Nội viết: Không đúng, vì hư không ở hư không. Nếu có pháp hư không thì phải có trú xứ, nếu không có trú xứ thì không có pháp. Nếu hư không ở trong hang lỗ thì hư không ở trong hư không, vì có chỗ dung chứa, nhưng không đúng. Do đó hư không không ở trong hang lỗ, cũng không thật trú trong ấy. Vì sao? Vì thật không có hư không, thật này không gọi là không. Nếu không có hư không thì không có trú xứ, vì không có chỗ dung chứa. Lại nữa, ông nói trú xứ là hư không, nghĩa là trong sự thật ấy không có trú xứ, tức là không có hư không, cho nên hư không không hiện bày khắp, cũng chẳng thường. Lại nữa, vì vô tướng nên không có hư không. Mỗi một các pháp đều có tướng, vì có tướng nên biết có các pháp, như tướng kiên cố của đất, tướng thấm ướt của nước, tướng đốt nóng của lửa, tướng lay động của gió, tướng của thức là biết, mà hư không thì vô tướng, cho nên không.

Ngoại viết: Hư không có tướng, vì ông không biết nên không có, không sắc là tướng hư không.

Nội viết: Không đúng. Không sắc gọi là phá sắc, chẳng phải pháp co lại, giống như chặt cây, càng không có pháp. Cho nên không có tướng hư không.

Lại nữa, hư không vô tướng. Vì sao? Vì ông nói vô sắc. Tướng hư không này là hoặc sắc chưa sinh, lúc này không có tướng hư không. Lại nữa, sắc là pháp vô thường, hư không là pháp hữu thường. Nếu lúc sắc chưa có thì trước phải có pháp hư không. Nếu sắc chưa có không chỗ diệt thì hư không là vô tướng, nếu vô tướng thì vô pháp, cho nên chẳng phải vô sắc là tướng hư không, chỉ có tên gọi mà không có thật. Các sự hiện bày khắp, thường cũng phá chung như vậy.

Ngoại viết: Có thời, pháp vì tướng thường có. Có pháp tuy không thể hiện thấy, vì cộng tướng tỷ tri (so sánh tướng chung mà biết) nên tin có. Thời như vậy tuy vi tế không thể thấy, vì có thời tiết, khí chất, hoa quả... nên biết có thời, đó là thấy quả biết nhân. Lại nữa, vì tướng nhất thời, không phải nhất thời, tướng xa gần... nên biết có thời, không phải không có thời, cho nên thường.

Nội viết: Trong quá khứ, vị lai là không, cho nên không vị lai. Như lúc đất nặn thành hình là hiện tại, còn đất là quá khứ, lúc đã thành hình

là vị lai, đó là vì tướng thời là thường nên thời quá khứ không làm thời vị lai. Kinh của ông nói: Thời là một pháp cho nên thời quá khứ không làm thời vị lai, cũng không làm thời hiện tại. Nếu quá khứ làm vị lai thì có lỗi xen tạp. Lại nữa, trong quá khứ không có thời vị lai, cho nên không vị lai, hiện tại cũng phá bỏ như vậy.

Ngoại viết: Vì nhận lấy quá khứ nên có thời. Vì lúc ông nhận lấy thời quá khứ nên ắt có thời vị lai, cho nên thật có thời, pháp.

Nội viết: Chẳng phải tướng vị lai là quá khứ. Ông không nghe ta trước nói đất quá khứ không làm bình vị lai. Nếu rơi vào trong tướng vị lai, đó là tướng vị lai thì vì sao gọi là quá khứ? Cho nên không có quá khứ.

Ngoại viết: Phải có thời, vì tự tướng riêng biệt. Hoặc hiện tại có tướng hiện tại, hoặc quá khứ có tướng quá khứ, hoặc vị lai có tướng vị lai, cho nên có thời.

Nội viết: Nếu vậy là tất cả hiện tại. Nếu ba thời có tự tướng thì nay đều phải là hiện tại. Nếu vị lai là không, nếu có không gọi vị lai mà phải gọi là dĩ lai, cho nên nghĩa này không đúng.

Ngoại viết: Vì quá khứ, vị lai hành tự tướng nên không có lỗi. Thời quá khứ, thời vị lai không hành tướng hiện tại, thời quá khứ hành tướng quá khứ, thời vị lai hành tướng vị lai, vì tên gọi này hành tự tướng nên không có lỗi.

Nội viết: Quá khứ chẳng phải quá khứ. Nếu quá khứ là quá khứ thì không gọi là quá khứ. Vì sao? Vì lìa tự tướng, như lửa bỏ đi sự nóng thì không gọi là lửa, vì xa lìa tự tướng. Nếu quá khứ không phải là quá khứ thì nay không nên nói thời quá khứ hành tướng quá khứ. Vị lai cũng phá trừ như vậy. Cho nên thời, pháp không thật có, chỉ có ngôn thuyết.

Ngoại viết: Thật có phương vì có tướng thường, chỗ mặt trời hợp lại là tướng phương. Như kinh tôi nói: hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại. Chỗ mặt trời sáng sớm hợp lại gọi là phương Đông, các phương khác như vậy tùy theo mặt trời mà gọi.

Nội viết: Không đúng, vì phương Đông không phải là chỗ bắt đầu mặt trời mọc. Mặt trời đi từ bốn thiên hạ, nhiều quanh núi Tu Di. Mặt trời ở trong cõi Uất-đơn-việt, mặt trời mọc ở Phất-vu-đãi, người Phất-vu-đãi dùng làm phương Đông. Mặt trời trong cõi Phất-vu-đãi, mọc ở cõi Diêm-phù-đề, người cõi Diêm-phù-đề lấy làm phương Đông. Trong cõi Diêm-phù-đề, mặt trời mọc ở Câu-da-ni, người cõi Câu-da-ni lấy làm phương Đông. Trong cõi Câu-da-ni, mặt trời mọc ở Uất-đơn-việt, người cõi Uất-đơn-việt lấy làm phương Đông. Như vậy là có phương

Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc.

Lại nữa, chỗ mặt trời không hội tụ thì trong đó không có phương hướng, vì là vô tướng. Lại nữa, vì không nhất định nên ở đó không lấy làm phương Đông, ở chỗ kia không lấy làm phương Tây, cho nên phương hướng không thật có.

Ngoại viết: Không đúng. Vì một thiên hạ mà nói tướng phương này, chẳng phải là đều nói, cho nên phương Đông không phải là không đi qua lúc ban đầu.

Nội viết: Nếu vậy thì có ranh giới. Nếu mặt trời trước hợp lại một chỗ, đó gọi là phương Đông thì các phương đều có ranh giới, vì có biên giới nên có phần, vì có phần nên vô thường, cho nên nói là có phần, kỳ thật là không có phương.

Ngoại viết: Tuy vi trần không thường hiện bày khắp nhưng có sự thường không hiện bày khắp, vì có tướng quả này. Người đời hoặc thấy quả biết có nhân, hoặc thấy nhân biết có quả, như thấy sự nảy mầm biết có hạt giống. Pháp thế giới thấy các vật sinh, vì trước nhỏ sau to nên có thể biết hai vi trần làm quả đầu tiên, dùng một vi trần làm nhân, cho nên có vi trần, tròn mà thường, vì không có nhân.

Nội viết: Hai vi trần chẳng phải tất cả thân hợp lại, vì quả không tròn, lúc sinh quả các vi trần, chẳng phải tất cả thân hợp lại. Vì sao? Vì quả hai vi trần... mắt không thấy tròn. Nếu vi trần thân do tất cả hợp lại là quả hai vi trần... cũng phải tròn. Lại nữa, nếu tất cả hợp lại thân thì hai ấy cũng cùng hoại. Nếu vi trần hợp lại nặng thì quả cao, nếu hợp lại nhiều thì quả lớn, vì một phần hợp lại nên vi trần có phần, vì có phần nên vô thường. Lại nữa, vi trần vô thường, vì khác biệt với hư không. Nếu có vi trần thì sẽ khác biệt với hư không, cho nên vi trần có phần, vì có phần nên vô thường. Lại nữa, vì khác với sắc... Nếu vi trần là có thì phải có phần như sắc, vị... Cho nên vi trần có phần, vì có phần nên vô thường. Lại nữa, có hình, là pháp có tướng. Nếu vi trần có hình thì phải có dài, ngắn, tròn, vuông... Cho nên vi trần có phần, vì có phần nên vô thường, vì vô thường nên không có vi trần.

Ngoại viết: Có pháp Niết-bàn là thường, không có phiền não, vì Niết-bàn không khác. Các phiền não như ái... vĩnh viễn dứt sạch, đó gọi là Niết-bàn. Có phiền não thì có sinh tử, vì không có phiền não nên vĩnh viễn không có sinh tử, cho nên Niết-bàn là thường.

Nội viết: Không đúng, vì pháp tác Niết-bàn. Nhờ nhân tu đạo nên không có các phiền não, nếu không phiền não, đó là Niết-bàn, Niết-bàn tức là pháp tác, vì pháp tác nên vô thường. Lại nữa, nếu không phiền

não, đó gọi là không sở hữu. Nếu Niết-bàn không khác với không phiền não thì không có Niết-bàn.

Ngoại viết: Vì tác nhân. Niết-bàn là tác nhân của không phiền não.

Nội viết: Không đúng, vì chủ thể phá chẳng phải là phá. Nếu Niết-bàn có thể là giải thoát thì chẳng phải giải thoát. Lại nữa, lúc chưa dứt hết phiền não thì không có Niết-bàn. Vì sao? Vì không có quả nên không có nhân.

Ngoại viết: Không có quả phiền não. Niết-bàn này chẳng phải là không phiền não, cũng chẳng phải không có nhân phiền não là không có quả phiền não, cho nên chẳng phải không có Niết-bàn.

Nội viết: Phục (ràng buộc) có thể phục và phương tiện khác nhau, đó là không có dụng. Phục gọi là phiền não và nghiệp, có thể phục gọi là chúng sinh, phương tiện gọi là tám Thánh đạo, vì dùng đạo để mở trí nên chúng sinh được giải thoát. Nếu có Niết-bàn thì ba pháp này khác nhau, tức không chỗ dụng. Lại nữa, không phiền não gọi là vô sở hữu, vô sở hữu không gọi là nhân.

Ngoại viết: Có Niết-bàn, là hoặc không có, hoặc ba việc vô xứ: phục (buộc), có thể phục, phương tiện, đó gọi là Niết-bàn.

Nội viết: Chỗ lo sợ vì sao có thể nhiễm? Vì vô thường tai họa nên người trí đối với pháp hữu vi luôn trừ bỏ để được ly dục. Nếu Niết-bàn không có các tình và các việc của ái dục thì Niết-bàn đối với pháp hữu vi là chỗ rất đáng sợ. Vì sao tâm ông nhiễm? Niết-bàn là xa lìa tất cả sự vướng mắc, diệt tất cả sự nhớ nghĩ, chẳng có chẳng không, chẳng phải vật chẳng phải phi vật. Ví như đèn tắt thì không thể luận nói.

Ngoại viết: Ai được Niết-bàn? Niết-bàn này người nào đắc?

Nội viết: Không đắc Niết-bàn. Trước tôi nói như đèn tắt, không thể nói đi ngã Đông, đi phương Tây, Nam, Bắc, bốn phương, trên, dưới. Niết-bàn cũng vậy, tất cả ngôn thuyết đều diệt, không thể luận thuyết, là không sở hữu. Ai là người đắc? Giả như có Niết-bàn cũng không người đắc. Nếu thần đắc Niết-bàn thì vì thần là thường là hiện bày khắp nên không đắc Niết-bàn, năm ấm cũng không đắc Niết-bàn. Vì sao? Vì năm ấm vô thường, vì năm ấm sinh diệt. Niết-bàn như vậy phải thuộc về ai? Nếu nói đắc Niết-bàn là trong thế gian mà nói.

-----

## Phẩm 10: PHÁ KHÔNG

Ngoại viết: Phải có các pháp, vì phá cái có, hoặc không phá các pháp có khác. Ông phá tất cả pháp tướng là cái dường như có, không nên nói tất cả pháp không do phá cái có, vì sự phá này có nên không gọi là phá tất cả pháp, hoặc không phá tất cả pháp có.

Nội viết: Phá như có thể phá, vì ông vướng mắc vào sự phá, vì muốn phá các pháp có, không, phá này ông không biết chăng? Vì sự phá thành nên tất cả pháp không, vô sở hữu. Sự phá này nếu có thì đã rơi vào trong sự có thể phá không, vô sở hữu. Sự phá này nếu không thì ông phá chỗ nào? Như nói không có đầu thứ hai, vì không dùng sự phá nên liền có. Như có người nói không, không vì nói không nên có. Sự phá và có thể phá cũng như vậy.

Ngoại viết: Phải có các pháp, vì chấp vào đây, kia. Vì ông chấp nơi sự khác nhau của pháp nên nói lỗi của một pháp, vì chấp nơi một pháp nên nói lỗi của pháp khác nhau, vì hai sự chấp này thành nên có tất cả pháp.

Nội viết: Một chẳng phải là chỗ chấp, khác cũng vậy. Một và khác đều không thể có đạt được, trước đã phá bỏ, vì trước đã phá nên không chỗ chấp. Lại nữa, nếu có người nói: Ông không có chỗ chấp, tôi thì chấp pháp một và khác, nếu có người này hỏi thì phải phá trừ như vậy.

Ngoại viết: Vì phá pháp người khác nên ông là người phá pháp. Ông thích phá pháp người khác, vì quá mức nên sinh lỗi. Tự mình không có chỗ chấp nên ông là người phá.

Nội viết: Ông là người phá, nói người rộng không, không có chỗ chấp vì người không có chỗ chấp nên chẳng phải người phá. Vì ông chấp pháp mình phá pháp người nên ông là người phá.

Ngoại viết: Vì phá pháp người khác nên pháp mình thành. Lúc ông phá pháp người khác thì pháp mình liền thành. Vì sao? Vì pháp người khác nếu thua, pháp mình thắng, do đó tôi chẳng phải là người phá.

Nội viết: Không đúng, vì sự thành và phá chẳng phải một. Thành gọi là xưng tán công đức, phá là ra khỏi lỗi lầm. Sự tán dương công đức và ra khỏi lỗi lầm không gọi là một. Lại nữa, thành là có sự lo sợ, sợ là không lực. Nếu người tự ở nơi pháp sợ thì không thể thành pháp người, vì không sợ nên thích phá chấp, cho nên sự phá thành chẳng phải là một. Nếu phá pháp người tức là pháp tự thành. Vì sao trước ông nói, nói về không và nhân, nhưng chỉ phá pháp người, còn tự mình thì không

chỗ chấp.

Ngoại viết: Nói lỗi chấp của người khác là tự pháp mình chấp. Vì sao pháp ông không tự thành? Vì chỉ phá pháp người, vì phá pháp người nên tức pháp tự thành.

Nội viết: Phá pháp người vì pháp mình thành nên tất cả không thành. Vì phá pháp người nên pháp mình thành, vì pháp mình thành nên tất cả không thành, vì tất cả không thành nên tôi không có chỗ chấp.

Ngoại viết: Không đúng, vì thế gian trái ngược nhau. Nếu các pháp không, vô tướng thì người thế gian không tin thọ.

Nội viết: Thế gian tin pháp này, pháp nhân duyên ấy thế gian tin thọ. Vì sao? Vì nhân duyên sinh pháp, tức là vô tướng. Ông cho trong sữa có lạc, tô v.v... đồng nữ có mang các con trong thức ăn đã có phân. Lại nói ngoài cột lại có nhà khác, ngoài tờ lại có vải khác, hoặc nói trong nhân có quả, hoặc nói trong nhân không quả, hoặc nói lìa nhân duyên, các pháp sinh. Thật và không ấy không phải là ngôn thuyết của thế sự, ai sẽ tin thọ chỗ chấp của người này? Pháp tôi không vậy, vì ngang bằng với nhân thế nên tin nhận tất cả.

Ngoại viết: Ông không có chỗ chấp là pháp thành. Ông nói không chỗ chấp tức là chấp. Lại nói pháp tôi ngang bằng với người đời, đó là tự chấp.

Nội viết: Không chấp, không gọi là chấp cũng như không có. Trước tôi nói nhân duyên sinh các pháp tức là vô tướng, cho nên tôi không có chỗ chấp, không có chỗ chấp không gọi là chấp. Ví như nói không là thật không, không do nói không nên lại có không, không chấp cũng như vậy.

Ngoại viết: Vì ông nói pháp vô tướng nên người, pháp diệt. Nếu các pháp không, vô tướng thì chấp này cũng không, đó là không có tất cả pháp, vì không có tất cả pháp nên gọi là diệt pháp, người.

Nội viết: Phá diệt pháp, người đó gọi là diệt pháp, người. Chính tôi không có pháp nên không chỗ phá. Ông cho là tôi diệt pháp mà người muốn phá, đó là người diệt pháp.

Ngoại viết: Phải có pháp, vì có đối đãi nhau. Nếu có dài ắt có ngắn, nếu có cao ắt có thấp, có “Không” ắt có Thật.

Nội viết: Vì sao có đối đãi nhau? Vì phá cái một. Nếu không có một thì không đối đãi nhau, nếu ít có “chẳng không”, thì phải có đối đãi nhau, nếu không có “chẳng không” thì không có “không”, tại sao đối đãi nhau?

Ngoại viết: Ông không thành là thành. Như nói: Nhà rỗng không,

không có ngựa tức có sự không ngựa, ông tuy nói các pháp không, vô tướng như vậy, mà vì có thể sinh nhiều loại tâm nên phải có “không”, thì “không” thành là thành.

Nội viết: Không đúng. Vì có, không, tất cả đều không. Trong thật tướng tôi nói nhiều loại pháp môn có, không, đều không. Vì sao? Vì nếu không cái có cũng là không cái không, cho nên có, không, tất cả đều không.

Ngoại viết: Phá không đúng, vì tự “không”. Tự tánh của các pháp là “không”, không có tác giả, vì không có tạo tác nên không cần có phá, như người ngu si muốn phá hư không thì chỉ tự chuốc lấy lao nhọc mà thôi.

Nội viết: Tuy tự tánh là “không” nhưng vì nắm giữ tướng nên bị ràng buộc. Tất cả pháp tuy tự tánh là “không”, nhưng vì tướng tà phân biệt nên bị ràng buộc, vì phá điên đảo này nên nói là phá, kỳ thật không chỗ phá. Như người ngu, lúc thấy lửa nóng, sinh vọng tưởng nước chạy đến thì chỉ lao nhọc. Người trí bảo: đây chẳng phải nước. Vì muốn đoạn trừ tướng này không phải phá bỏ nước. Như vậy, tánh của các pháp là “không”, nhưng vì chúng sinh nắm giữ tướng nên vướng mắc. Vì phá điên đảo này nên nói là phá, kỳ thật không chỗ phá.

Ngoại viết: Vì không nói pháp, Đại kinh không có. Ông phá có phá “không”, phá “có không”, nay rơi vào chẳng có chẳng không, sự chẳng có chẳng không này là chẳng thể thuyết. Vì sao? Vì tướng có, “không” không thể đạt được, đó gọi là không thuyết pháp. Sự không thuyết pháp này, trong Đại kinh như kinh Vệ Thế Sư, kinh Tăng Khư, Ni Càn Pháp... vì đều là “không” nên không thể tin.

Nội viết: Có phần thứ tư. Trong Đại kinh của ông cũng có pháp thể không thuyết, như âm thanh trong kinh Vệ Thế Sư không gọi là đại, không gọi là tiểu. Kinh Tăng Khư cho đất trong khuôn chẳng phải bình, chẳng phải không phải bình. Ni Càn Pháp cho là ánh sáng chẳng phải sáng, chẳng phải tối. Các kinh như vậy có không thuyết pháp thứ tư. Vì sao ông nói không?

Ngoại viết: Nếu không thì chẳng phải có nói. Nếu đều không vì không thuyết pháp thì vì sao nói giáo hóa pháp thiện, ác?

Nội viết: Vì tùy theo lời nói của thế tục nên không có lỗi. Chư Phật nói pháp thường nương vào Thế tục đế và Đệ nhất nghĩa đế. Hai đế này đều là thật, chẳng phải vọng ngữ. Như Phật tuy biết các pháp vô tướng nhưng vẫn bảo A-nan vào thành Xá-vệ khát thực. Nếu trừ bỏ đi đất, cây... thì thành ấy không thể đạt được, nhưng phải tùy theo lời thế



tục nên không rơi vào vọng ngữ. Vì tôi cũng họa theo Phật nên không lỗi.

Ngoại viết: Vì tục đế không phải không thật. Tục đế nếu thật thì nhập Đệ nhất nghĩa đế, nếu không thật thì vì sao nói đế (chắc thật)?

Nội viết: Không đúng. Vì đối đãi nhau, như lớn với nhỏ. Tục đế đối với người đời là thật, đối với Thánh nhân là không thật. Ví như trái táo ở nơi cây táo là to, ở nơi cây dưa là nhỏ, hai việc này đều thật. Nếu nói ở nơi cây táo là nhỏ, ở nơi cây dưa là to thì là vọng ngữ. Vì tùy theo lời của thế tục nên không lỗi.

Ngoại viết: Biết được lỗi này thì có lỗi gì? Như đầu là xả tội phước cho đến phá “không”. Các pháp như vậy đều thấy có lỗi thì được những lợi gì?

Nội viết: Xả ngã như vậy gọi là được giải thoát. Ba loại phá các pháp như vậy, ban đầu xả tội phước, ở giữa là phá thân, sau cùng là phá tất cả pháp, đó gọi là không ngã và ngã sở. Lại, đối với các pháp, không thọ nhận, không vướng mắc, nghe “có” không vui, nghe “không” không buồn, đó gọi là giải thoát.

Ngoại viết: Vì sao nói là được giải thoát mà không nói thật được giải thoát?

Nội viết: Vì rốt ráo thanh tịnh, vì phá thân, không người phá Niết- bàn nên không giải thoát. Vì sao nói người được giải thoát? Vì đối với tục đế nên gọi là giải thoát.